TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:178/2020/DS-PT
Ngày: 21-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2020/QĐ – PT ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Số A, đường Nguyễn Văn T, tổ B, khu phố D, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số H, đường Q, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Công Đ, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh L; địa chỉ liên lạc: Số M, đường N, khu phố B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019); vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: K, tổ P, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Minh H, sinh năm 1959; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị Thu S, sinh năm 1967; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Ông H, bà S trú cùng địa chỉ: Số K, Đại lộ B, tổ X, khu phố Y, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K do ông Hà Công Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T có mối quan hệ quen biết. Ngày 18/9/2018, ông K cho ông T vay số tiền là 700.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh H, bà Ngô Thị Thu S, thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất vay. Việc vay mượn hai bên có lập giấy nợ đề ngày 18/9/2018 có nội dung: "*Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2018, tôi tên Nguyễn Quang T, năm sinh 1968, địa chỉ: D, khu U phường P, thành phố M tỉnh Bình Dương. Có nợ ông Nguyễn Văn K hiện ngụ tại G khu Y phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương số tiền 700.000,000 đồng (bảy trăm triệu đồng) tiền mua bán đất. Tôi hứa trong vòng 1 tháng tôi trả cho ông K số nợ trên, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*". Ông T ký tên, viết họ tên và lăn tay trên giấy nợ.

Tại thời điểm ông T ký tên trên giấy nợ, do tin tưởng nhau, ông K không yêu cầu ông T cung cấp chứng minh nhân dân, mà chỉ hỏi tên và được ông T cho biết tên Nguyễn Quang T, nên trên giấy nợ mới ghi họ tên người vay là Nguyễn Quang T. Sau đó, ông K được biết ông T tên là Nguyễn Văn T, không phải tên Nguyễn Quang T. Do đó, ông K đã có đơn xác định lại họ tên người bị kiện là Nguyễn Văn T.

Nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn K số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T xác định giữa ông và ông Nguyễn Văn K hoàn toàn không có mối quan hệ quen biết và cũng chưa từng thiết lập bất kỳ giao dịch nào với nhau. Đối với giấy nợ đề ngày 18/9/2018 do ông K cung cấp cho Tòa án, ông T xác định phần chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên Nguyễn Quang T là chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay của ông T. Tuy nhiên, ông T tên thật là Nguyễn Văn T, không phải tên Nguyễn Quang T.

Do phần đất của ông T và phần đất của ông Lê Minh H, bà Ngô Thị Thu S (sau này ông T được biết là đất của bà L - họ tên cụ thể ông không biết, không phải thuộc quyền sử dụng của ông H, bà S) cách nhau con đường đi. Khi ông T tiến hành rào lại phần đất của ông, ông K đã yêu cầu ông T phải ký tên trên các văn bản sau: Hợp đồng mua bán nhà đất ngày 18/9/2018 giữa Ngô Thị Thu S, Lê Minh H và Nguyễn Quang T; giấy nợ đề ngày 18/9/2018. Do ông K liên tục

đe dọa, gây sức ép và ông T nhận thấy ông K yêu cầu ông ký tên Nguyễn Quang T không đúng tên của ông nên ông T mới đồng ý ký tên. Hiện ông T đang giữ bản chính hợp đồng mua bán nhà đất ngày 18/9/2018; giấy nợ đề ngày 18/9/2018.

Đối với giấy nợ đề ngày 18/9/2018 ông K giữ bản chính có nội dung: "*Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2018, tôi tên Nguyễn Quang T, năm sinh 1968, địa chỉ: D, khu U phường P, thành phố M tỉnh Bình Dương. Có nợ ông Nguyễn Văn K hiện ngụ tại G khu Y phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương số tiền 700.000,000 đồng (bảy trăm triệu đồng) tiền mua bán đất. Tôi hứa trong vòng 1 tháng tôi trả cho ông K số nợ trên, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*". Ông T có ký tên, viết họ tên Nguyễn Quang T và lăn tay trên giấy. Phần đánh máy trên giấy nợ là của bên ông K, phần chữ viết tay "18, 9, 2018, Nguyễn Quang T, 1968, D phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương" do ông K viết, còn chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Quang T (ở phần ký tên) và dấu lăn tay là do ông Nguyễn Văn T ký tên, viết họ tên và lăn tay.

Ông T xác định giữa ông và ông H, bà S không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông T cũng không vay tiền của ông K. Việc ông T ký tên trên hợp đồng mua bán nhà đất ngày 18/9/2018 và giấy nợ đề ngày 18/9/2018 là do ông K gây sức ép, đe dọa. Hơn nữa, ông T nhận thấy việc ký tên và viết họ tên Nguyễn Quang T không đúng với tên thật của ông thì ông K cũng không thể phát sinh yêu cầu gì với ông. Nhưng nay ông K lại sử dụng giấy nợ ngày 18/9/2018 để khởi kiện buộc ông T phải trả tiền vay. Thực tế, ông T không có vay tiền của ông K và cũng không thiết lập giao dịch gì với ông K nên ông T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H, bà Ngô Thị Thu S trình bày:

Ông Lê Minh H, bà Ngô Thị Thu S và ông Nguyễn Văn T là hàng xóm với nhau. Ông H, bà S có phần đất tại khu dân cư Hiệp T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, phần đất của ông H bà S ở phía sau, còn phần đất của ông T ở phía trước. Ông T đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T xin giấy phép xây dựng nhà, do diện tích không đủ theo quy định nên không được cấp giấy phép. Sau đó, ông T thỏa thuận với ông H, bà S nhận chuyển nhượng phần diện tích 20m^2 (ngang 10m, dài 2m), để đảm bảo diện tích xây nhà cho ông T. Giá chuyển nhượng là 700.000.000 đồng. Hai bên đã lập hợp đồng mua bán nhà đất ngày 18/9/2018 (giấy tay). Nhưng ông T không có tiền thanh toán cho ông H, bà S nên đã vay của ông Nguyễn Văn K số tiền 700.000.000 đồng. Cùng ngày 18/9/2018, ông T đã viết giấy nợ ghi nhận có vay của ông K số tiền 700.000.000 đồng. Ông H, bà S đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Đối với ông T đã xây dựng nhà và hàng rào kiên cố trên đất. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 700.000.000 đồng thì ông T có trách nhiệm trả nợ cho ông K. Ông H, bà S không liên quan gì trong vụ án giữa ông K và ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn K số tiền gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo giấy nợ đề ngày 18/9/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn T bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, do nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên các đương sự không tự thỏa thuận với nhau tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo nội dung giấy nợ đề ngày 18/9/2018 có chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên của bên vay tên Nguyễn Quang T có nợ ông Nguyễn Văn K số tiền là 700.000.000 đồng, tiền mua đất, thời hạn trong vòng 01 tháng ông T trả cho ông K số nợ trên. Ông Nguyễn Văn T thừa nhận chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên Nguyễn Quang T trên giấy nợ ngày 18/9/2018 do ông K cung cấp là chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay của ông T (Nguyễn Văn T). Ông T cho rằng bị ông K đe dọa, uy hiếp, ép buộc ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào giấy nợ tiền,

nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nguyên đơn ông K thật sự có hành vi đe dọa, gây sức ép buộc bị đơn phải ký tên, lăn tay vào giấy nợ ngày 18/9/2018.

Giấy nợ được lập thành 02 bản chính, nguyên đơn, bị đơn mỗi bên giữ 01 bản chính. Bị đơn thừa nhận chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên Nguyễn Quang T trên giấy nợ đề ngày 18/9/2018 do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn ký tên, viết họ tên và lăn tay. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền nợ là 01 tháng, kể từ ngày ký giấy nợ tiền. Do ông T không thực hiện thanh toán tiền nợ cho ông K là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh ông T không có nhận nợ của ông K số tiền 700.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm quyết định ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông K số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn K số tiền gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo giấy nợ đề ngày 18/9/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì ông T còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016-0034023 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016-0041172 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/7/2020).

Nơi nhận:
- Các đương sự; 05
- VKSND tỉnh Bình Dương; 01
- Chi cục THADS thành phố M; 01
- TAND thành phố M; 01
- Tổ HCTP; 02
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự. 02

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tâm